

Số: /CV- TTYT  
V/v Phân bổ và cấp thuốc tẩy giun  
Vermox 500mg (Mebendazole) cho  
trẻ 24-60 tháng tuổi năm 2025.

Thịệu Trung, ngày tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Các Trạm y tế trực thuộc trên địa bàn.

Thực hiện công văn số 8999/SYT-NVYD ngày 24/11/2025 của Sở Y tế tỉnh Thanh hoá về việc triển khai chiến dịch bổ sung Vitamin A kết hợp tẩy giun cho trẻ đợt 2 năm 2025.

Thực hiện kế hoạch số 88/KH-TTYT ngày 27/11/2025 của Trung tâm Y tế Thiệu Hóa về việc triển khai chiến dịch bổ sung Vitamin A cho trẻ em từ 6 tháng đến dưới 60 tháng tuổi kết hợp tẩy giun cho trẻ em từ 24-60 tháng tuổi và cân, đo trẻ đợt 2 năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 413/QĐ-KSBT ngày 01/12/2025 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hoá về việc phân bổ thuốc tẩy giun Vermox 500mg (Mebendazole) phục vụ hoạt động tẩy giun cho trẻ 24-60 tháng tuổi đợt II năm 2025.

Trung tâm Y tế Thiệu Hóa phân bổ và cấp thuốc tẩy giun Vermox 500mg (Mebendazole) như sau:

Thời gian nhận thuốc: **ngày 03/12/2025** tại kho của TTYT Thiệu Hóa.

Thời gian triển khai uống thuốc giun đồng loạt cho trẻ 24-60 tháng tuổi:  
Vào ngày **05/12/2025** triển khai đồng loạt tại 24 trạm y tế trên địa bàn. Cụ thể:

**\* Đối với các cháu trong độ tuổi đang học tại các trường mầm non:**  
Địa điểm tổ chức thực hiện tại các trường.

**\* Đối với các cháu không đi học tại trường mầm non:** Địa điểm tổ chức tại Trạm y tế.

Trên đây là công văn phân bổ và cấp thuốc tẩy giun vermoz 500mg (Mebendazole) cho trẻ 24-60 tháng tuổi đợt II năm 2025 trên địa bàn. Giám đốc Trung tâm y tế Thiệu Hóa đề nghị các Trạm y tế nghiêm túc triển khai thực hiện để đạt kết quả cao./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc TTYT Thiệu Hóa (C/đ);
- Trạm Y tế các xã (đề T/h);
- Lưu: VT, khoa YTCC- ATVSTP&DD.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Huy**

**Danh sách**  
**Cấp thuốc tẩy giun cho trẻ 24-60 tháng tuổi đợt II năm 2025**

| STT | Tên xã       | Tổng số trẻ 24-60th | Số thuốc giun đợt này (làm tròn) | Ký tên | Ghi chú |
|-----|--------------|---------------------|----------------------------------|--------|---------|
| 1   | Thiệu Hóa    | 1395                | 1430                             |        |         |
| 2   | Thiệu Hòa    | 325                 | 335                              |        |         |
| 3   | Thiệu Hợp    | 305                 | 310                              |        |         |
| 4   | Thiệu Thành  | 358                 | 360                              |        |         |
| 5   | Thiệu Lý     | 285                 | 290                              |        |         |
| 6   | Thiệu Công   | 354                 | 360                              |        |         |
| 7   | Thiệu Vũ     | 275                 | 280                              |        |         |
| 8   | Thiệu Nguyên | 681                 | 690                              |        |         |
| 9   | Thiệu Long   | 406                 | 410                              |        |         |
| 10  | Thiệu Ngọc   | 245                 | 250                              |        |         |
| 11  | Thiệu Tiến   | 289                 | 295                              |        |         |
| 12  | Tân Châu     | 365                 | 370                              |        |         |
| 13  | Thiệu Toán   | 350                 | 355                              |        |         |
| 14  | Thiệu Viên   | 360                 | 365                              |        |         |
| 15  | Thiệu Thịnh  | 210                 | 215                              |        |         |
| 16  | Hậu Hiền     | 375                 | 380                              |        |         |
| 17  | Thiệu Quang  | 353                 | 360                              |        |         |

|    |             |             |             |  |  |
|----|-------------|-------------|-------------|--|--|
| 18 | Thiệu Giang | 368         | 370         |  |  |
| 19 | Thiệu Giao  | 200         | 210         |  |  |
| 20 | Thiệu Duy   | 375         | 385         |  |  |
| 21 | Thiệu Phúc  | 235         | 250         |  |  |
| 22 | Thiệu Vận   | 480         | 490         |  |  |
| 23 | Thiệu Trung | 410         | 420         |  |  |
| 24 | Thiệu Chính | 312         | 320         |  |  |
|    | <b>Tổng</b> | <b>9311</b> | <b>9500</b> |  |  |